TÒA ÁN NHÂN DÂN **THNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **20**/2020/HNGĐ-ST Ngày: 11-5-2020. V/v**:** "Ly hôn giữa bà H và ông C".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Phạm Quang Vinh

2. Ông Từ Hồng Hải

-Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Phú - Thư ký Toà án nhân dân tHnh phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2020/TLST-HNGĐ ngày 16/3/2020 về việc ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/4/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số 01 đường T, Phường C, Thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông Phan Thanh C, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số 01 đường T, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông C kết hôn vào năm 1988, có đăng ký kết hôn tại UBND phường I, thành phố Đ, hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa chỉ số: Số 01 đường T, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung không hạnh phúc, có nhiều cải vã, nhiều quan điểm không hợp nhau, nên mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình cảm đối với nhau không còn, sống chung một nhà nhưng không còn gắn bó, từ mâu thuẫn dẫn đến sức khỏe bà thường xuyên phải cấp cứu nhiều lần, nay

bà xác định mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Phan Nguyễn Thanh T, sinh ngày 03/10/1993 đã trưởng tHnh.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định không có.

Theo bản tự khai và quá trình tố tụng ông Phan Thanh C trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị H kết hôn năm 1988 có đăng ký hết hôn tại UBND phường I, thành phố Đ. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn sống tại đường T, phường c, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống đôi lúc có xung đột xung khắc, nhưng vẫn chấp nhận được vẫn ở chung một nhà nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Phan Nguyễn Thanh T, sinh ngày 03/10/1993 đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không có tranh chấp.

Tại phiên Tòa bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị H, yêu cầu ly hôn với ông Phan Thanh C, nên xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn" theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Ông Phan Thanh C có địa chỉ Số 01 T, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ theo qui định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Ông Phan Thanh C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Phan Thanh C kết hôn năm 1988 có đăng ký hết hôn tại UBND phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và Phan Thanh C là hợp pháp. Quá trình chung sống xuất phát từ bất đồng trong quản lý tài sản, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vã, mâu thuẫn ngày càng gay gắt và kéo dài, ảnh hưởng đến sức khỏe của nhau và ảnh hương đến con cái. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử động viên bà H rút đơn về đoàn tụ gia đình nhưng bà H vẫn kiên quyết ly hôn, vì không còn tình cảm với ông C. Ông Phan Thanh C không đồng ý ly hôn và xin vắng mặt là thể hiện thái độ không còn tha thiết trong hằn gắn tình cảm vợ chồng với bà H. Với thực trạng của quan hệ hôn nhân trên thể hiện mâu thuẫn vợ chồng là có thật và đã trầm trọng, có kéo dài thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được,

nên yêu cầu xin ly hôn của bà H là có cơ sở. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của Bà Nguyễn Thị H, cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Phan Thanh C.

[4] Về con chung: Giữa bà Nguyễn Thị H và ông Phan Thanh C có 01 con chung tên Phan Nguyễn Thanh T, sinh ngày 01/10/1993 đã trưởng tHnh và có gia đình nên không đề cập.

[5] Về tài sản chung và về nợ chung: Hai bên không có tranh chấp nên không đề cập.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H, phải chịu án phí ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1 - Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Phan Thanh C.

2- Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Được trừ vào số tiền tạm nộp án phí, bà H đã nộp theo biên lai thành phố Đ) bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ.

3- Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Phan Thanh C vắng mặt tại phiên toà được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận
- TAND tỉnh L (02);
- VKSND tp Đ;
- UBND phường I.Tp.Đ.
- Chi cục THADS tp. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Đoàn Thị Tuyết Nga

Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
Từ Hồng Hải –Phạm Quang Vinh	**Đoàn Thị Tuyết Nga**